

## PHỤ LỤC II

### Chi tiêu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Đa Long, nhiệm kỳ 2020 - 2025

(Kèm theo Báo cáo Chính trị Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Đa Long 4 lần thứ I,

nhiệm kỳ 2025 -2030)

-----

STT	Chỉ tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã, nhiệm kì 2020 - 2025	Kết quả ước đạt được đến ngày tháng 6/2025
1	-Tốc độ phát triển sản xuất (theo giá SS 2010) giai đoạn 2021 - 2025 bình quân hàng năm tăng từ 10 - 11%. Trong đó: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 11 - 12%; công nghiệp - xây dựng tăng từ 11 - 12%; thương mại - dịch vụ tăng từ 14 - 15%.	-Tốc độ phát triển sản xuất (theo giá SS 2010) giai đoạn 2021 - 2025 bình quân hàng năm đạt 10,6% (đạt NQ), trong đó: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt 10,62% (không đạt); công nghiệp - xây dựng đạt 12,9% (vượt 0,9% so với NQ), thương mại - dịch vụ đạt 24% (vượt trên 9% so với NQ).
2	- Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản từ 75 - 73%; Công nghiệp - xây dựng 12 - 13%; Thương mại - Dịch vụ 23 - 25%.	- Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng ngành Nông - Lâm - thủy sản đạt 63,1 % (vượt 10% so với NQ); Công nghiệp - xây dựng đạt 12,9% (đạt NQ); Thương mại - dịch vụ đạt 24,1% (đạt NQ).
3	- Thu nhập bình quân đầu người đạt 45 triệu đồng/người/năm.	- Thu nhập bình quân đầu người đạt 45,42 triệu đồng/người/năm (vượt so với NQ).
4	- Tổng mức đầu tư toàn xã hội phấn đấu đạt 650 tỷ đồng.	- Tổng mức đầu tư toàn xã hội ước đạt 712 tỷ đồng (vượt 62 tỷ đồng so với NQ).
5	- Tổng thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hàng năm 12 - 13%.	- Tổng thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hàng năm đạt 16,6% (vượt so với NQ).
6	- Xã đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.	- Xã đạt chuẩn NTM vào năm 2024 (vượt 01 năm so với NQ).
7	- Duy trì độ che phủ rừng 76% trở lên.	- Độ che phủ rừng đạt 72% (không đạt NQ).
8	- Trên 85% rác thải được thu gom và xử lý.	- Trên 85% rác thải được thu gom và xử lý (đạt NQ).
9	- Tỷ lệ hộ dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 93,5% trở lên.	- Tỷ lệ hộ dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 94% (vượt 0,5% so với NQ).
10	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,3%.	- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1.7%, (không đạt NQ).

11	- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 5%.	- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,77% (vượt 1,23 % so với NQ).
12	- Phần đầu 100% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I; Trong đó có ít nhất 1 trường đạt chuẩn mức độ II.	- Có 3/3 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I. Trong đó: Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II (đạt NQ).
13	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 24,5%.	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) ước giảm xuống dưới 16,97%, đạt 144,37% so với NQ.
14	- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 85%.	- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân 100% (vượt 155 so với NQ).
15	- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo phần đầu đạt 70%; lao động được đào tạo cấp chứng chỉ nghề đạt 35%; tạo việc làm mới cho lao động nông thôn hàng năm từ 100 - 150 lao động.	- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt 70% (đạt NQ); lao động được đào tạo cấp chứng chỉ nghề đạt 20% (không đạt NQ); tạo việc làm mới cho lao động nông thôn hàng năm từ 150 - 170 lao động (vượt NQ từ 100 - 150).
16	- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 98,5%.	- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện ước đạt 99%, (vượt 1% so với NQ).
17	- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 85%; 100% thôn cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; 100% thôn đạt khu dân cư tiêu biểu, trong đó có 2/4 thôn đạt khu dân cư kiểu mẫu.	- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 92% (vượt, 7% so với NQ); 100% thôn cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa (đạt NQ); 100% thôn đạt khu dân cư tiêu biểu, trong đó có 3/4 thôn đạt khu dân cư kiểu mẫu (vượt, NQ 2/4 thôn).
18	- Hằng năm, Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 80% chi bộ trực thuộc, tập thể lãnh đạo, quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; hàng năm kết nạp từ 6 đảng viên trở lên.	- Hằng năm, Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (không đạt, năm 2022 hoàn thành nhiệm vụ); Trên 90% chi bộ trực thuộc, tập thể lãnh đạo, quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (vượt NQ); trên 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ (vượt NQ); hàng năm kết nạp từ 6 đảng viên trở lên (đạt NQ).
19	- 100% CBCC xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. về trình độ lý luận chính trị theo quy định; 100% Trưởng thôn, Trưởng ban công tác Mặt trận, thôn Đội trưởng, Công an viên thôn là đảng viên; 85% chi Hội trưởng các đoàn thể là đảng viên.	- 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị theo quy định (đạt NQ); 100% trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận thôn, thôn đội trưởng, công an viên là đảng viên (đạt NQ); Đến hết 2025, có 93,75% chi hội trưởng, Bí thư chi đoàn thôn là đảng viên (vượt 8,75% so với NQ).

--	--	--